TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2025/QĐST–HNGĐ	*Quận 7, ngày 17 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 522/2024/HNST ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Số J3, phường T, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Tạ X, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số 5J NC 2, KP 1, phường T, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Bùi Thị V và ông Tạ H

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị V và ông Tạ H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhân kết hôn số 44 Quyển số 01/2012 do UBND phường T cấp, đăng ký ngày 07/4/2012 không còn giá trị pháp lý).

[2.2] Về con chung: Bà Bùi Thị V và ông Tạ H có 01 con chung, họ tên là: Tạ T (Nam), sinh ngày 08/6/2014.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, ông Tạ H là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Bà Bùi Thị V không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Bùi Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Bùi Thị V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Tạ H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Bùi Thị V.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có.

[2.4]. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị V tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0019798 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy hoàn trả lại cho bà Bùi Thị V 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.7,
- C/c THA DS Q.7;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (TK.V.Phương).

THẨM PHÁN

TAND QUẬN 7

170125.TL.QDBA.33

Trương Như Thủy